

CÔNG TY CP DỊCH VỤ BẾN THÀNH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

02/2017

CÔNG TY CP DỊCH VỤ BẾN THÀNH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

02/2017

MỤC LỤC

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát-----	1
Quá trình hình thành và phát triển-----	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh-----	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức KD và bộ máy quản lý -----	6
4. Định hướng phát triển-----	10
5. Các rủi ro-----	11

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh -----	11
2. Tổ chức và nhân sự -----	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án -----	16
4. Tình hình tài chính-----	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu -----	19

III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh-----	19
2. Tình hình tài chính-----	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý -----	21
4. Kế hoạch phát triển năm 2017 -----	21

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty -----	23
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD Công ty -----	23
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT -----	24

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị-----	25
2. Ban kiểm soát -----	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS -----	28

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán -----	31
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán -----	33

Phụ lục số II – Báo cáo thường niên
(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**
- Tên tiếng Anh : **BEN THANH SERVICE JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **BTSC**

- Logo:



- Trụ sở chính : 390 Nguyễn Công Trứ, P. Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. HCM.
- Điện thoại : (84-8) 3914 0932 – (84.8) 3914 0933
- Fax : (84-8) 3914 0934
- Website : www.btsc.com.vn
- Email : benthanh1@btsc.com.vn
- Giấy CNĐKDN : Mã số DN 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 04/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 14/11/2016.
- Vốn điều lệ hiện tại : **31.507.470.000** (Ba mươi một tỷ năm trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Mã cổ phiếu : BSC

❖ Quá trình hình thành và phát triển

a. Việc thành lập

Tiền thân của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (BTSC) là Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS).

Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS) được thành lập theo Quyết số 14A/QĐ TL-2003 ngày 04/12/2003 của Tổng Công ty Bến Thành, trên cơ sở sáp nhập 03

đơn vị hạch toán phụ thuộc Sunimex là Trung tâm Thương mại Dịch vụ, Trạm dịch vụ kho vận Sunimex, Xưởng chế biến thủy hải sản xuất khẩu. Đến tháng 10/2004 sáp nhập thêm Công ty Nông sản thực phẩm Bến Thành và Xưởng gỗ thuộc Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Bình Chiểu.

b. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần

Ngày 09/8/2006, Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS) bắt đầu thực hiện Cổ phần hóa Doanh nghiệp theo quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 9/8/2006 của UBND TP.HCM v/v thành lập Ban chỉ đạo CPH DNNN Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Bến Thành.

Ngày 01/11/2007, Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành (BTS) đã chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (BTSC), theo quyết định số 3127/QĐ-UBND ngày 16/07/2007 của UBND TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thương mại Dịch vụ Bến Thành thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (BTSC), trong đó vốn nhà nước chiếm 45% vốn điều lệ Công ty.

c. Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá trị tăng (tỷ đồng)	Nội dung
04/10/2007	10	-	Vốn điều lệ ban đầu khi chuyển sang công ty cổ phần.
Tháng 03/2008	30	20	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2, giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu chào bán 2.000.000 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 17/2007/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2007
Tháng 10/2011	31.5	1.5	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2011.

d. Các sự kiện quan trọng khác

- Ngày 19/12/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã công nhận Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trở thành công ty đại chúng theo Luật Chứng khoán.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn cùng 6 đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bến Thành (BENTHANH GROUP) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) để thành lập Công ty Cổ phần Sàn giao dịch bất động sản Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0308322190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Ngày 28/5/2010 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Xe máy Bến Thành theo Quyết định số 01/HĐQT và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310092385 ngày 28/6/2010.

- Ngày 28/5/2010 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Giao nhận Bến Thành theo Quyết định số 02/HĐQT và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/6/2010.

- Ngày 26/3/2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua quyết định đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 28/10/2010, Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp và ngày 03/11/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành trên sàn Hà Nội. Ngày 05/01/2011, cổ phiếu BSC của Công ty chính thức giao dịch trên sàn Hà Nội.

- Ngày 24/08/2011 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy chứng nhận số 90/GCN-UBCK v/v đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty CP Dịch vụ Bến Thành. Ngày 28/10/2011 kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ.

- Ngày 01/8/2012 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tham gia góp vốn thành lập Công ty CP TNHH Bến Thành – Nam Á theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQT và đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311941803 ngày 23/8/2012.

- Tháng 10/2013 thoái vốn tại Công ty CP Xe máy Bến Thành.
- Tháng 11/2014 thoái vốn tại Công ty CP TNHH Bến Thành – Nam Á
- Tháng 6/2015 giải thể Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Bến Thành tại Bình Dương
- Năm 2015, thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư Bến Thành Việt.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

a. Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực - thực phẩm, lâm - thủy - hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thụ công nghiệp, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành công - nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang, vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trò chơi, băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát.
- Kinh doanh lữ hành nội địa - quốc tế. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở Công ty).
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng. Dịch vụ giao nhận hàng hóa.
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản).
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công). Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Dịch vụ photocopy.
- Đại lý bảo hiểm.
- Camera, hoa tươi.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản.

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Quảng cáo. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Điều hành tour du lịch.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm. Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi xuống). Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.
- Lắp ráp linh kiện vi tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Lắp ráp camera, thiết bị báo động - báo cháy.
- Lắp ráp thiết bị điện tử (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Bán buôn thiết bị camera quan sát, thiết bị báo động-báo cháy. Bán buôn camera.
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).
- Hoạt động trang trí nội thất.
- Bán buôn thực phẩm: Bán buôn, xuất nhập khẩu rau, quả, trái cây (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: bán buôn cây cảnh, hoa (không hoạt động tại trụ sở).
- Bán buôn vỏ xe.
- Mua bán xăm lốp, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của các loại xe có động cơ.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.

b. *Địa bàn kinh doanh* : Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. *Mô hình quản trị*

Mô hình quản trị doanh nghiệp mới đã được áp dụng tại Công ty CP Dịch vụ Bến Thành. Theo đó mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc chức năng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối.

b. *Cơ cấu tổ chức của Công ty*

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

❖ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch HĐQT	:	Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
Thành viên HĐQT	:	Ông VŨ ĐÌNH THI
Thành viên HĐQT	:	Ông TRƯƠNG QUANG THỐNG
Thành viên HĐQT	:	Ông BÙI TUẤN NGỌC
Thành viên HĐQT	:	Ông BÙI MINH TUẤN

❖ **BAN KIỂM SOÁT**

Trưởng BKS	:	Bà LẠI THỊ THANH PHƯƠNG
Thành viên BKS	:	Ông PHẠM TUẤN CƯỜNG
Thành viên BKS	:	Ông ĐÀO PHÚC LONG PHI

❖ **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

Quyền Tổng Giám đốc	:	Ông VŨ ĐÌNH THI
Phó Tổng Giám đốc	:	Ông TRƯƠNG QUANG THỐNG

❖ **CÁC BỘ PHẬN CHỨC NĂNG:**

● **Bộ phận Hành chính Nhân sự:**

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành công tác Tổ chức – Lao động tiền lương – Hành chính – PR

▪ Giám đốc Bộ phận: Ông **TRẦN ANH PHÚ**

● **Bộ phận Đầu tư:**

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành công tác đầu tư.

- Nghiên cứu, đề xuất phương hướng, chiến lược, dự án đầu tư phù hợp với nguồn lực Công ty trong từng giai đoạn phát triển.

- Quản lý dự án đầu tư (quá trình lập, thẩm định, triển khai dự án...)

- Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn đối tác đầu tư liên doanh, liên kết.

▪ Giám đốc Bộ phận: Bà **ĐẶNG NGUYỄN NHẬT MINH**

● **Bộ phận Kế toán Tài chính:**

- Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong hạch toán kinh tế toàn Công ty, các Đơn vị trực thuộc.

▪ Giám đốc Bộ phận kiêm Kế toán trưởng: Bà **VÕ THÚY HẠNH**

▪ Phó Giám đốc Bộ phận: Bà **NGUYỄN THỊ THANH VÂN**

❖ **CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:**

1. Trung tâm Dịch vụ Bến thành
2. Trung tâm Kinh doanh Nhà hàng & Khách sạn Đakao
3. Trung tâm Dịch vụ Kho vận
4. Nhà hàng Bến Thành

❖ **CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:**

• **Công ty CP Giao nhận Bến Thành**

- Địa chỉ: 236-238 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP.HCM

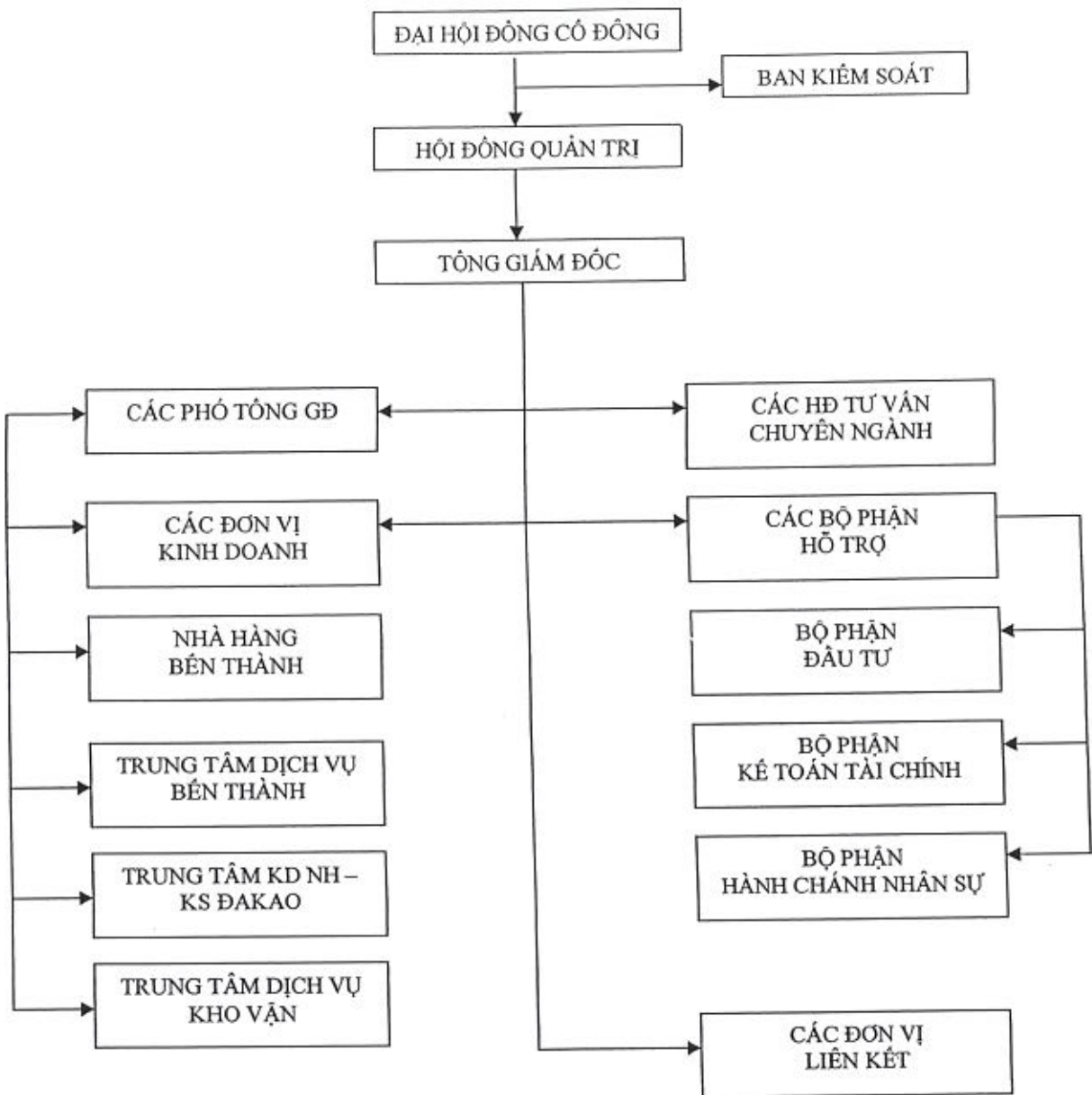
- Điện thoại: (84-8) 39144655

- Fax: (84-8) 39208794

Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển và hàng không.

Năm 2016, hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp có hiệu quả nhưng chưa cao như kỳ vọng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG



P. | | G. | | H. | | T. | | H. | | G. | | L. | | G. | | H. | | P. | |

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chiến lược

- Các lĩnh vực kinh doanh chính :
 - Thương mại dịch vụ: kinh doanh dịch vụ kho vận, dịch vụ logistics.
 - Nhà hàng và khách sạn.
 - Dịch vụ bất động sản.
 - Dịch vụ đầu tư tài chính.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Sắp xếp lại các lĩnh vực kinh doanh, thu hẹp các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, duy trì và phát triển tập trung và có sự phối hợp đồng bộ các lĩnh vực còn lại, cũng như mở rộng phát triển một số lĩnh vực có tỉ lệ tăng trưởng và tỉ suất lợi nhuận cao.

- Xây dựng hệ thống Nhà hàng, khách sạn.
- Phát triển và đa dạng hóa các hoạt động thương mại – dịch vụ lưu trú.
- Đẩy mạnh các dự án khi có cơ hội thuận lợi và tìm kiếm các dự án mới.

- Từng bước hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức và nhân sự, xây dựng cơ chế lương thưởng, đào tạo mới nhằm động viên khuyến khích nhân viên làm việc hiệu quả và chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

- Tái cơ cấu vốn, tập trung phát triển những lĩnh vực kinh doanh hiệu quả, liên kết với các đối tác có năng lực để cùng phát triển trong một số lĩnh vực nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Chú trọng đầu tư cho công tác marketing, quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh của công ty, xác lập vị thế trong đàm phán với các đối tác và khách hàng, tăng cường năng lực cạnh tranh trong các hoạt động kinh doanh.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBNV và tham gia các hoạt động xã hội như phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo.

5. Các rủi ro

- Nguồn lực về cơ sở vật chất của Công ty còn hạn chế. Cơ sở vật chất nhỏ lẻ, manh mún, khó đầu tư và phát triển.

- Một số cơ sở kinh doanh đang thuê của các đơn vị khác có thời gian thuê ngắn hạn (thuê hàng năm), giá thuê không ổn định làm ảnh hưởng đến định hướng phát triển lâu dài.

- Đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

Dvt: trđ

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2016	THỰC HIỆN 2016	SS TH/KH 2016
1	Tổng doanh thu	Trđ	25.000	50.045	200,18%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	2.000	2.155	107,75%
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ		1.645	
4	Vốn điều lệ	Trđ		31.507	
5	Tỷ lệ cổ tức/ VDL	%	3,5%	3,5%	

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Nhìn chung, năm 2016 cũng là một năm khó khăn, thách thức đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn, thách thức và tận dụng được các cơ hội, kết quả kinh doanh năm 2016 đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra. Có được kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo, quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng sự cố gắng và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

• Toàn Công ty

- Doanh thu năm 2016 của toàn Công ty đạt 50.045 tỷ đồng, tăng nhiều so với cùng kỳ 2015 và kế hoạch 2016 vì lý do: Công ty thực hiện việc chuyển nhượng nhà 136 – 137 Bến Chương Dương nên phát sinh doanh thu bất thường gần 23,5 tỷ đồng.

- Lợi nhuận toàn Công ty năm 2016 đạt 2,156 tỷ đồng, tăng 8% so với kế hoạch 2016 và đạt 85,7% so với năm 2015. Lý do doanh thu tăng nhiều nhưng lợi nhuận chỉ tăng 8% so với kế hoạch là vì nguồn doanh thu bất thường từ chuyển nhượng 136 – 137 Bến

Chương Dương chỉ mang lại lợi nhuận là 1,3 tỷ đồng, năm 2015 có doanh thu mặt bằng 111 Nguyễn Huệ của 8 tháng đầu năm là 900 triệu đồng và lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại Cần Thơ là 600 triệu đồng.

• Trung tâm Dịch vụ Bến Thành

- Doanh thu của Trung tâm Dịch vụ Bến Thành năm 2016 đạt 113% so với năm 2015 do việc điều chỉnh chi phí cho thuê các mặt bằng do Trung tâm quản lý. Ngoài ra, từ tháng 8/2016 Trung tâm đã phát triển thêm lĩnh vực kinh doanh mới là camera Vantech.

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành có lợi nhuận đạt 130% so với cùng kỳ năm 2015, tuy nhiên chỉ đạt 95% so với kế hoạch 2016. Nguyên nhân là việc đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh mới là camera đã phát sinh doanh thu nhưng chưa đạt như kỳ vọng. Trung tâm Dịch vụ kỳ vọng trong năm 2017, khi cửa hàng đi vào hoạt động ổn định sẽ mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định cho Trung tâm.

• Trung tâm Dịch vụ Kho vận

- Trong năm 2016, công ty tiến hành cơ cấu một số đơn vị nên không giao kế hoạch 2016 cho Trung tâm Dịch vụ Kho vận. Bắt đầu từ Tháng 6/2016, Trung tâm cơ cấu lại nhân sự và định hướng, thay đổi phương án hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, từ tháng 9/2016, Văn phòng Công ty quản lý việc cho thuê kho 504 Nguyễn Tất Thành nên doanh thu của Trung tâm dịch vụ Kho Vận năm 2016 là 5,758 tỷ đồng, chỉ đạt 65,4% so với năm 2015.

- Mặc dù bị ảnh hưởng của việc tái cơ cấu và doanh thu chỉ phát sinh trong 3 quý đầu nhưng cũng mang lại lợi nhuận đạt 672,6 triệu đồng, đạt 44% so với cùng kỳ năm 2015.

• Khách sạn ĐaKao

- Trong năm 2016, giá thuê mặt bằng khách sạn 26 Nguyễn Văn Thủ tăng, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Trung tâm nên lợi nhuận cả năm 2016 đạt 172 triệu đồng, đạt 106% so với cùng kỳ năm 2015.

• Nhà hàng Bến Thành

- Nhà hàng Bến Thành hoạt động ổn định đến thời điểm kết thúc Hợp đồng thuê quản lý với Công ty Việt An Phát là ngày 31/12/2016 với doanh thu dự kiến đạt 6,5 tỷ đồng, đạt 80% so với cùng kỳ năm 2015. Lợi nhuận đạt 1,52 tỷ đồng, chỉ đạt 64% so với năm 2015.

• Tình hình hoạt động kinh doanh của các Công ty liên kết

- Tình hình kinh doanh tại công ty CP Giao nhận Bến Thành giảm so với năm trước, tuy nhiên vẫn có lợi nhuận.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

- Ông VŨ ĐÌNH THI : Quyền Tổng Giám đốc
- Ông TRƯƠNG QUANG THỐNG : Phó Tổng Giám đốc
- Bà VÕ THÚY HẠNH : Kế toán trưởng

b. Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

❖ Ông Vũ Đình Thi – Quyền Tổng Giám đốc

- CMND số : 025503725 do CA TP.HCM cấp ngày 12/7/2011
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1978
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 124/28 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.21, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08. 39140930
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

2003 – 2006	Trưởng Bộ phận kinh doanh Công ty Giám định hàng xuất nhập khẩu (FCC)
2006 – 2009	Phó Giám đốc khối Đầu tư – Kinh doanh Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành.
2009 - T05/2015	Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ - Thương mại Thủ Đô.

T06/2015 - T11/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Bến Thành
T11/2016 - nay	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Chức vụ công tác hiện nay : Quyền Tổng Giám đốc
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Đại diện Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ số cổ phần tại Công ty: 296.884 CP
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

❖ Ông **Trương Quang Thống** – Phó Tổng Giám đốc

- CMND số : 020360325 do CA TP. HCM cấp ngày 21/12/2004
- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1962
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 03 Phan Kế Bính, P.Đa Kao, Q.1, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 39208793
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:

1996 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty TMDV Bến Thành

2007 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Bến Thành
--------------	--

- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Đại diện Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ số cổ phần tại Công ty: 296.884CP
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

❖ Bà Võ Thúy Hạnh – Kế toán trưởng

- CMND số : 022542470 do CA TP. HCM cấp ngày 04/11/2009
- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1964
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú : 120E/3 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 39140936
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:

01/1987 – 07/1988	Kế toán tổng hợp Công ty nông sản thực phẩm Q.1
08/1988 – 09/2004	Kế toán trưởng Công ty nông sản thực phẩm Q.1 (sau là Công ty Nông sản thực phẩm Bến Thành)
10/2004 – 08/2005	Kế toán phó Công ty TMDV Bến Thành

09/2005 – 11/2007	Kế toán trưởng Công ty TMDV Bến Thành
11/2007 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Bến Thành

- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Đại diện Tổng Công ty Bến Thành nắm giữ số cổ phần tại Công ty: 222.663 CP
- Chức vụ công tác tại các tổ chức khác : không
- Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

c. *Những thay đổi trong Ban điều hành:* Không có

d. *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động*

- Lực lượng lao động của Công ty có mặt vào thời điểm ngày 31/12/2016

STT	Phân loại lao động	Số lượng lao động (người)	
		Nam	Nữ
Phân theo trình độ học vấn			
1	Đại học và trên đại học	08	13
2	Cao đẳng, trung cấp CNKT	08	04
3	Phổ thông	11	02
Tổng cộng		27	19
Phân theo phân công lao động			
1	Lao động trực tiếp	17	05
2	Lao động gián tiếp	10	14
Tổng cộng		27	19

- Chính sách đối với người lao động

Được coi là công tác không kém phần quan trọng trong việc duy trì và phát triển nguồn lực. Do vậy, Công ty luôn quan tâm và đảm bảo thực hiện chế độ đối với người lao động đầy đủ và kịp thời, kết quả thực hiện như sau :

- Tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, thực hiện chế độ ốm đau, thai sản, khám chữa bệnh kịp thời cho CBNV Công ty theo đúng quy định của nhà nước.
- Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng tại Resort Mũi Né Bay – Phan Thiết.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho CBNV vào tháng 9/2016
- Tổ chức họp mặt nhân ngày phụ nữ Quốc tế 8/3, 20/10.
- Toàn thể người lao động trong Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được Công ty mua Bảo hiểm tai nạn 24/24, giúp CBCNV an tâm về chế độ chăm sóc sức khỏe.
- Phát thưởng cho các cháu (con của người lao động) đạt học sinh giỏi năm học 2015-2016 .
- Chăm lo quà Tết Nguyên đán cho Người lao động, chăm lo cho Người lao động thuộc diện cựu chiến binh nhân ngày 22/12 kỷ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam.
- Phối hợp Ban chấp hành Công đoàn thăm hỏi khi ốm đau, chúc mừng CBNV nhân dịp sinh nhật, cưới hỏi.
- Công ty có chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo để nâng cao năng lực làm việc, như hỗ trợ 100% học phí hoặc đưa đi đào tạo chuyên ngành với cam kết thời gian phục vụ. Ban hành quy chế tuyển dụng, đào tạo, đề bạt và sử dụng lao động trên cơ sở thâm niên, trình độ học vấn, các cam kết phục vụ khi được đào tạo và tái đào tạo cùng với chế độ lương phù hợp.
- Công ty đã hoàn chỉnh các phương án nâng lương cơ bản cho toàn CBNV công ty theo Nghị định số Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016, áp dụng từ ngày 01/01/2017.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty giai đoạn 2016 – 2020, Công ty đã thực hiện việc rà soát lại tổng thể các mặt bằng của Công ty. Từ đó, xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng mặt bằng để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh:

a. Những mặt bằng thuộc sở hữu Công ty BTSC

- *Mặt bằng 136 – 137 Bến Chương Dương*: đã thực hiện việc chuyển nhượng cho đối tác, thu hồi vốn cho Công ty.

- Các mặt bằng còn lại của Công ty: hoạt động ổn định và đã điều chỉnh nâng cao được hiệu quả kinh doanh tại các mặt bằng này.

b. Những mặt bằng được giao quản lý hoặc thuê của các đơn vị khác

- Các mặt bằng được giao quản lý hoặc thuê của các đơn vị khác đang tiến hành kinh doanh trong ngắn hạn,

- Nghiên cứu các phương án hiệu quả và đề xuất hợp tác với các đối tác có tiềm năng để đầu tư thực hiện các dự án phát triển trong dài hạn.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	53.908	44.758	- 16,973
Doanh thu thuần	31.569	50.045	+ 58,526
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.002	838	-72,085
Lợi nhuận khác	(486)	1.318	-
Lợi nhuận trước thuế	2.516	2.156	-14,309
Lợi nhuận sau thuế	1.943	1.645	-15,337

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2015	2016	Ghi chú
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			ĐVT: %
- Cơ cấu tài sản:			
+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	61,47	88,29	
+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	38,53	11,71	
- Cơ cấu nguồn vốn			
+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	26,11	19,68	

+ Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	73,85	80,32	
2. Khả năng thanh toán			ĐVT: lần
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	6,14	13,24	
- Khả năng thanh toán	6,09	13,22	
3. Tỷ suất sinh lời			ĐVT: %
- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	52,77	30,59	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	7,43	3,47	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	4,88	4,58	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,68	3,68	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần : 3.150.747 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 3.150.747 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/10/2016:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	% Vốn điều lệ	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	2.760.457	27.605	87,61%	04
2	Cổ đông nhỏ	390.290	3.902	12,39%	58
	Tổng cộng	3.150.747	31.507.4	100%	62
3	Cổ đông tổ chức	2.944.467	29.444.6	93,45%	09
4	Cổ đông cá nhân	206.280	2.062.8	6,55%	53
	Tổng cộng	3.150.747	31.507.4	100%	62
5	Cổ đông trong nước	2.998.747	29.987.4	95,2%	61

6	Cổ đông nước ngoài	152.000	1.520.000	4,8%	01
	Tổng cộng	3.150.747	31.507.4	100%	62
7	Cổ đông Nhà nước	1.484.420	14.844,2	47,1%	01

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Về doanh thu

- Doanh thu năm 2016, công ty thực hiện **50,045 tỷ đồng** đạt **200,6%** kế hoạch đề ra.

b. Về lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện **2,156 tỷ đồng** đạt **107,8%** kế hoạch đề ra.

c. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Doanh thu và lợi nhuận 2016 đều đạt vượt mức so với Kế hoạch đề ra.
 - Xây dựng và triển khai được chiến lược kinh doanh của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành giai đoạn 2016-2020 và các Chi nhánh.

- Nghiên cứu tính toán và xúc tiến các công tác liên quan đến việc hợp tác với Tổng Công ty Bến Thành triển khai các dự án đối với các mặt bằng đang khai thác kinh doanh trong ngắn hạn.

- Tái cơ cấu thành công và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các mặt bằng do Công ty sở hữu, quản lý.

- Tìm hướng kinh doanh mới cho Công ty: kinh doanh camera, hoa tươi,...

d. Những mặt tồn tại, hạn chế

- Các đơn vị còn chưa chủ động trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được chỉ đạo như phát triển dịch vụ camera, các lĩnh vực dịch vụ khác chưa thật sự phát huy hết các lợi thế, v.v...

- Các đơn vị chưa đưa ra được các giải pháp để thúc đẩy phát triển và làm tăng hiệu suất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tổng tài sản năm 2016 : 44,8 tỷ đồng
- Tổng tài sản năm 2015 : 53,9 tỷ đồng

Tình hình tài sản của Công ty không có biến động lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình tài chính lành mạnh, không có nợ xấu, nợ khó đòi.
- Khả năng thanh toán được đảm bảo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã xây dựng được chiến lược kinh doanh để xác định những định hướng cần phát triển tập trung và cần mở rộng để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh số ổn định, và hiệu quả trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đã thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty, lực lượng cán bộ trẻ có trình độ, có năng lực và năng động hơn, thích ứng được với mô hình Công ty niêm yết, với yêu cầu phát triển, chiến lược kinh doanh đã được hoạch định, đáp ứng được yêu cầu của định hướng phát triển cũng như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của cơ chế thị trường và xu thế hiện nay.

- Trong năm, Công ty đã đưa nhiều cán bộ theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn và quản lý nhằm chuyên nghiệp hóa các hoạt động, đặc biệt là các lớp do Tổng Công ty Bến Thành tổ chức.

- Xem xét điều chỉnh, bổ sung các Quy chế quản trị Công ty nhằm tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban điều hành để hoàn thành tốt nhiệm vụ, bổ sung thêm nhiều chính sách để chăm lo cho CBNV tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển năm 2017

a. Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

- Tổng doanh thu : 20 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế : 2 tỷ
- Cổ tức tối thiểu : 3,5%

b. Về hoạt động kinh doanh

- Hoàn thành kế hoạch doanh thu 20 tỷ đồng và lợi nhuận 2 tỷ đồng.

- Thống nhất với Tổng Công ty Bến Thành các phương án và kế hoạch triển khai dự án đầu tư tại các mặt bằng Công ty đang quản lý.

- Quản lý hiệu quả các mặt bằng do Công ty sở hữu và quản lý.
- Phát triển mạnh và tạo doanh thu ổn định cho những ngành nghề mới bổ sung của Công ty như camera.
- Phát triển, đầu tư ngắn hạn và trung hạn vào lĩnh vực bất động sản,...
- Phát triển, đầu tư dài hạn vào các lĩnh vực bất động sản lưu trú như khách sạn, hostel, căn hộ dịch vụ, bất động sản kho xưởng...
- Phát triển các lĩnh vực khác như quảng cáo, hoa tươi,...

• TTDV Bến Thành

- Tiếp tục quản lý các mặt bằng cho thuê đạt kế hoạch đề ra.
- Đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh camera Vantech.
- Phối hợp với bộ phận Đầu tư tìm kiếm các mặt bằng phù hợp và xây dựng phương án kinh doanh theo định hướng phát triển của Công ty về lĩnh vực kho vận, khách sạn.

• TTDV Kho Vận

- Duy trì và ổn định hoạt động kinh doanh của Trung tâm Dịch Vụ Kho Vận.

• Trung Tâm Kinh Doanh Nhà Hàng Khách Sạn ĐaKao

- Ổn định kinh doanh, đào tạo cán bộ công nhân viên để chuẩn bị nguồn nhân lực cho các dự án khách sạn, căn hộ dịch vụ của Công ty trong thời gian sắp tới.

• Bộ phận Đầu tư

- Nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội đầu tư, đầu tư tài chính, hợp tác với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm trong các lĩnh vực bất động sản, nhà hàng, logistics, khách sạn, v.v...

- Các mặt bằng được giao quản lý tiếp tục được khai thác kinh doanh trong ngắn hạn, Trong dài hạn, đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác để thực hiện dự án tại các mặt bằng này.

- Tiếp tục quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh phù hợp với thực tế để nâng cao hiệu quả sử dụng các mặt bằng của Công ty.

c. Về công tác hành chính nhân sự

- Xây dựng và ban hành các quy chế phục vụ cho hoạt động của Công ty: Quy chế lương thưởng, Quy chế Tài chính, Quy chế Đầu tư,...

- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực hiện có của Công ty đáp ứng được yêu cầu công việc trong giai đoạn mới.

d. Về công tác tài chính kế toán

- Tăng cường công tác quản trị tài chính, kiểm soát chặt chẽ việc cân đối nguồn vốn, đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh và tái cơ cấu vốn, đồng thời vốn hóa tài sản hợp lý.

- Tổ chức phân tích, đánh giá, kiểm soát các khoản chi phí nhằm tiết kiệm chi phí, nghiên cứu các loại hình kinh doanh tài chính để tiến hành thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2016: đã hoàn thành được các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Năm 2016 Công ty thực hiện tái cơ cấu hoạt động kinh doanh tại một số đơn vị trực thuộc, sắp xếp và tìm kiếm hoạt động phù hợp với quy mô và vốn nhưng vẫn đảm bảo ổn định nguồn thu cho Công ty. Kết quả kinh doanh năm 2016 đã hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư và vốn lưu động của Công ty.

- Duy trì được thu nhập ổn định cho toàn thể người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

- Nguồn lực về cơ sở vật chất của Công ty còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng và nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT.

- Trong năm 2016, Ban Điều hành đã chủ động thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với tình hình kinh doanh và tiết giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh đó Ban Điều hành cũng tiếp tục rà soát tính hiệu quả tại các mặt bằng cho thuê để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Tổng Giám đốc chỉ đạo Công ty thực hiện báo cáo, công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với công ty đại chúng. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và báo cáo quản trị được công bố kịp thời và đăng tải đầy đủ trên website Công ty, cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch cho cổ đông và các nhà đầu tư.

- Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của công ty.

- Bảo toàn và phát triển tốt vốn của công ty.

- Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm, phù hợp với kế hoạch kinh doanh, các định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển thêm những lĩnh vực hoạt động mới phù hợp kinh doanh của công ty tạo giá trị mới bền vững.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng Ban Tổng Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông.

- Phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016, gia tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao lợi ích cho cổ đông. Tiết kiệm tối đa các chi phí để đảm bảo lợi nhuận.

- Nâng cao thu nhập người lao động, đào tạo tuyển dụng, tăng cường chất lượng

chuyên môn nghiệp vụ và hiệu quả công việc.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, thay đổi quan điểm và phong cách làm việc chuyên nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Thành phần HĐQT gồm :

1. Bà Nguyễn Thị Hương Giang Chủ tịch HĐQT
2. Ông Vũ Đình Thi Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Quang Thống Thành viên HĐQT
4. Ông Bùi Tuấn Ngọc Thành viên HĐQT
5. Ông Bùi Minh Tuấn Thành viên HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số lượng CP có quyền biểu quyết		TV không điều hành	TV điều hành	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Cty khác
		Cá nhân	Đại diện tổ chức			
1	Bà Nguyễn Thị Hương Giang		445.326		X	01
2	Ông Trương Quang Thống		296.884		X	0
3	Ông Vũ Đình Thi (Từ tháng 11/2016)		296.884		X	0
4	Ông Bùi Tuấn Ngọc		1.454.937	X		04
5	Ông Bùi Minh Tuấn	152.000		X		0

b. Hoạt động của HĐQT

❖ Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2016 do ĐHCĐ giao

- Chi tiêu lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế đạt **2,156 tỷ đồng**, đạt **107,8%** kế hoạch ĐHCĐ giao.

- Chi tiêu cổ tức: Dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông là 3,5% theo đúng chỉ tiêu do ĐHCĐ giao năm 2016.

❖ Phân phối lợi nhuận năm 2015

- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo đúng nội dung Điều 4 Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 25/3/2016.

❖ Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2016

- Thực hiện uỷ quyền của ĐHCĐ về việc giao HĐQT Công ty chọn đơn vị kiểm toán năm 2016, HĐQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.

❖ Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2016

- Trong năm, HĐQT đã tiến hành chi trả thù lao cho HĐQT, BKS với số tiền là 192 triệu đồng, thực hiện đúng theo nội dung Điều 7 Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 25/03/2016.

❖ Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2016

- Tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc Bộ phận Tài chính – Kế toán. Nội dung họp HĐQT chủ yếu đề cập đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Công ty... Các nội dung tại các cuộc họp HĐQT đều được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

- Triệu tập 01 phiên ĐHCĐ bất thường 2016 để xin ý kiến phê duyệt của ĐHCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, phê duyệt việc bầu bổ sung thành viên HĐQT và Kiểm soát viên.

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành các Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan về các vấn đề sau:

- Quyết định về việc Ban hành Quy chế quản trị nội bộ.
- Quyết định về việc chấm dứt HĐLĐ đối với chức danh Phó Tổng Giám đốc.

- Quyết định về việc bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc Công ty.
 - Quyết định về việc bổ nhiệm Thư ký HĐQT kiêm Thư ký Công ty.
 - Các Nghị quyết và Quyết định khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Về công tác nhân sự, tổ chức:
- Bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc mới kể từ ngày 24/10/2016.
 - Bổ nhiệm Thư ký HĐQT kiêm Thư ký Công ty.
 - Bầu bổ sung thành viên HĐQT.
 - Chấm dứt HĐLĐ với chức danh Phó Tổng Giám đốc
- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định. Tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ nhà đầu tư.
- Thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Chi đạo, kiểm tra, giám sát Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác để đảm bảo thực hiện đúng Nghị quyết ĐHCĐ và các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Thành phần BKS gồm:

- | | |
|-----------------------------------|----------------|
| 1. Bà Lại Thị Thanh Phương | Trưởng BKS |
| 2. Ông Phạm Tuấn Cường | Thành viên BKS |
| 3. Ông Đào Phúc Long Phi | Thành viên BKS |

STT	Thành viên BKS	Số lượng CP có quyền biểu quyết	
		Cá nhân	Đại diện tổ chức
1	Bà Lại Thị Thanh Phương		222.663 CP
2	Ông Phạm Tuấn Cường	0	
3	Ông Đào Phúc Long Phi	0	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong quá trình quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.
- Giám sát thường xuyên việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và thẩm định báo cáo tài chính định kỳ. Kiểm tra tính tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán.
- Thực hiện các nghĩa vụ Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 32, Điều 33 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Dịch vụ Bến Thành.
- Tham dự đầy đủ các buổi họp Hội đồng Quản trị, tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

❖ Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao (đồng)
1	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
2	Ông Vũ Đình Thi	Thành viên HĐQT (từ tháng 01/2016)	24.000.000
3	Ông Trương Quang Thống	Thành viên HĐQT (từ tháng 07/2016)	12.000.000
4	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT (từ tháng 03/2016)	18.000.000
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT (từ tháng 03/2016)	18.000.000
6	Ông Nguyễn Thị Giang	Thành viên HĐQT (đến tháng 07/2016)	12.000.000

7	Ông Lê Anh Văn	Thành viên HĐQT (đến tháng 03/2016)	6.000.000
8	Ông Thái Tấn Dũng	Thành viên HĐQT (đến tháng 03/2016)	6.000.000
9	Bà Lại Thị Thanh Phương	Trưởng BKS (từ tháng 11/2016)	6.000.000
10	Ông Đào Phúc Long Phi	Thành viên BKS	9.000.000
11	Ông Phạm Tuấn Cường	Thành viên BKS	12.000.000
12	Bà Đoàn Thị Minh Trang	Trưởng BKS (đến tháng 03/2016)	6.000.000
13	Ông Hồ Nguyễn Duy Quân	Trưởng BKS (đến tháng 11/2016)	12.000.000
14	Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Thành viên BKS (đến tháng 03/2016)	3.000.000
15	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thư ký HĐQT (đến tháng 07/2016)	6.000.000
16	Bà Huỳnh Tấn Bảo Linh	Thư ký HĐQT (từ tháng 07/2016)	6.000.000
	TỔNG CỘNG		192.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký HĐQT nêu trên là thù lao được hưởng cố định theo thời gian trong năm 2016.

❖ Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng (đồng)
1	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc (đến tháng 11/2016)	373.000.000
2	Ông Vũ Đình Thi	Q. Tổng Giám đốc (từ tháng 11/2016)	299.000.000

3	Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc	334.000.000
4	Bà Võ Thúy Hạnh	Kế toán trưởng	306.000.000
TỔNG CỘNG:			1.312.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Trương Quang Thống	2.900	0,09 %	0	0%	Bán
2	Ông Bùi Minh Tuấn	152.000	4,00%	152.000	4,00%	Mua

b. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Số: 2025/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 01 năm 2017, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính

sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKH số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên

Giấy CNĐKH số: 2141-2014-071-1

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (tài liệu đính kèm).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Hương Giang

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 – 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 – 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 – 41



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 15 ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) – 3914 0933

Fax : +84 (8) – 3914 0934

Mã số thuế : 0305246978

2.2 Các đơn vị trực thuộc

- Trung tâm Dịch vụ Kho Vận.

Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh;

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành.

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao.

Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

- Nhà hàng Bến Thành.

Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

4. Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 26/11/2014
Ông Nguyễn Thi Giang	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2016
Ông Trương Quang Thống	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 22/07/2016
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 17/03/2016
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 18/03/2016
Ông Vũ Đình Thi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 05/01/2016
Ông Lê Hải Đăng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 05/01/2016
Ông Lê Anh Văn	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 18/03/2016
Ông Thái Tấn Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 17/03/2016

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Lại Thị Thanh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 07/11/2016
Ông Hồ Nguyễn Duy Quân	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 07/11/2016
Bà Đoàn Thị Minh Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Đào Phúc Long Phi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 25/03/2016
Ông Phạm Tuấn Cường	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2015
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/03/2016

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Vũ Đình Thi	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 07/11/2016
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 07/11/2016
Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 18/10/2007
Ông Nguyễn Thi Giang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2016
Bà Võ Thúy Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 18/10/2007

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Chủ tịch HĐQT.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2017.

Ủy viên Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Chủ tịch

Số: 2025/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 01 năm 2017, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKH số: 2141-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.515.818.392	33.138.201.744
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	18.670.261.251	28.785.730.027
111	1. Tiền		4.670.261.251	3.284.730.027
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	25.501.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		17.000.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5.2	17.000.000.000	-
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.385.353.369	4.009.496.182
131	1. Phải thu của khách hàng	5.3	292.414.655	2.748.690.661
132	2. Trả trước cho người bán	5.4	128.091.392	44.733.219
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5.5a	2.964.847.322	1.216.072.302
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	57.098.479	287.159.173
141	1. Hàng tồn kho		57.098.479	287.159.173
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		403.105.293	55.816.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7a	171.969.162	55.816.362
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.15	231.136.131	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		5.241.688.064	20.769.788.975
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		277.200.000	190.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	5.5b	1.009.766.805	1.246.593.429
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(732.566.805)	(1.056.593.429)
220	II. Tài sản cố định		618.058.017	1.863.815.346
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	618.058.017	1.863.815.346
222	- Nguyên giá		3.477.846.693	6.373.926.816
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.859.788.676)	(4.510.111.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.9	-	-
228	- Nguyên giá		97.200.000	97.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.200.000)	(97.200.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	5.10	1.930.223.072	2.031.926.840
231	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.868.966.496)	(1.767.262.728)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	14.531.441.633
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.11	-	14.531.441.633
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.12	1.095.138.055	1.356.276.772
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		575.138.055	575.138.055
253	2. Đầu tư dài hạn khác		1.398.238.342	928.651.449
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(878.238.342)	(147.512.732)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.321.068.920	796.328.384
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.7b	1.082.054.403	70.000.000
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.13	239.014.517	726.328.384
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44.757.506.456	53.907.990.719

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		8.809.457.362	14.075.253.168
310	I. Nợ ngắn hạn		2.983.599.778	5.397.505.961
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.14	366.775.402	397.007.752
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	16.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.15	314.710.157	578.981.212
314	4. Phải trả người lao động	5.16	1.332.206.434	2.118.122.572
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.17a	180.315.791	1.138.142.677
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	5.18a	626.393.467	706.525.443
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	345.600.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.19	163.198.527	113.109.805
330	II. Nợ dài hạn		5.825.857.584	8.677.747.207
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	5.17a	1.195.072.584	2.192.464.917
337	2. Phải trả dài hạn khác	5.18b	4.630.785.000	6.485.282.290
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.948.049.094	39.832.737.551
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.20	35.948.049.094	39.832.737.551
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	5.20a	31.507.470.000	31.507.470.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	5.20e	2.397.782.838	2.203.439.962
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.042.796.256	6.121.827.589
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		397.502.441	4.178.398.841
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.645.293.815	1.943.428.748
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44.757.506.456	53.907.990.719

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ THANH VÂN


VÕ THÚY HẠNH


Chủ tịch Hội đồng Quản trị
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ
BẾN THÀNH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	47.397.185.573	26.169.706.669
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.397.185.573	26.169.706.669
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	32.898.774.629	12.359.311.147
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.498.410.944	13.810.395.522
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	1.264.539.548	5.076.172.601
22	7. Chi phí tài chính	6.4	3.269.822.255	2.463.363.480
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	6.5	2.181.933.235	2.792.316.096
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	9.473.370.256	10.628.820.902
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		837.824.746	3.002.067.645
31	11. Thu nhập khác	6.7	1.382.949.889	313.643.206
32	12. Chi phí khác	6.8	64.854.916	799.994.957
40	13. Lợi nhuận khác		1.318.094.973	(486.351.751)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.155.919.719	2.515.715.894
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.14	23.312.037	963.731.254
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.9	487.313.867	(391.444.108)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.645.293.815	1.943.428.748
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	6.10	417	389
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.11	417	389

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.155.919.719	2.515.715.894
	2. Điều chỉnh các khoản		(8.482.554.569)	(1.606.337.468)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		382.743.744	515.112.105
03	- Các khoản dự phòng		61.098.986	(445.833.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	8.832.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.926.397.299)	(1.684.448.573)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.326.634.850)	909.378.426
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.117.147.173	(2.638.728.431)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		230.060.694	(104.429.777)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(5.044.008.225)	5.907.900.096
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.128.207.203)	494.387.675
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(436.907.684)	(2.692.021.401)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(281.161.000)	222.363.983
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.869.711.095)	2.098.850.571
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(43.272.727)	(1.119.537.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		23.217.697.451	308.636.363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(520.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.413.107	3.699.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.248.131.561	2.134.269.246
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.952.969.392	5.022.368.336
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.198.727.073)	(1.529.657.125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.198.727.073)	(1.529.657.125)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(10.115.468.776)	5.591.561.782
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.785.730.027	23.203.000.245
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(8.832.000)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5.1	18.670.261.251	28.785.730.027

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2017.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÊN THÀNH

QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

SỐ QUẢN LÝ: 0305240978-C

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÔ THÚY HẠNH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	38,34%	38,34%	38,34%

1.6 Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 43 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng điều lệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch

giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và thông tư sửa đổi bổ sung số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Phần mềm kế toán	05

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa (hàng hóa bao gồm: thiết bị tin học; bia, rượu và nước ngọt các loại...)

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ bao gồm: cho thuê phòng khách sạn, nhà hàng, vận chuyển, mặt bằng ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

4.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	250.874.587	142.664.866
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	4.419.386.664	3.142.065.161
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	14.000.000.000	25.501.000.000
Tổng cộng		18.670.261.251	28.785.730.027

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	3.893.689.084	1.648.553.283
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP HCM	412.448.471	1.493.511.878
3	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	112.248.389	-
4	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	1.000.720	-
Cộng		4.419.386.664	3.142.065.161

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

STT	Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN TP HCM	14.000.000.000	22.500.000.000
2	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	3.001.000.000
Cộng		14.000.000.000	25.501.000.000

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

STT	Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	9.000.000.000	-
2	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	8.000.000.000	-
Cộng		17.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng khác</i>		
- CN Công ty TNHH Vận tải và DVDL Hoa Mai	176.000.000	154.000.000
- Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Vạn Thịnh Phát	-	1.720.000.000
- Các đối tượng khác	116.414.655	874.690.661
Cộng	292.414.655	2.748.690.661

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Quận 1	84.091.392	-
- Công ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn Chuẩn Việt	44.000.000	41.250.000
- Các đối tượng khác	-	3.483.219
Cộng	128.091.392	44.733.219

5.5 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.5a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
- Đặng Nguyễn Nhật Minh ^(*)	2.377.600.000	-	340.200.000	-
- Nguyễn Phạm Thanh Trúc	364.338.688	-	-	-
- Nguyễn Thị Huỳnh Trang	97.746.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Thanh Vân	72.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	53.162.634	-	875.872.302	-
Cộng	2.964.847.322	-	1.216.072.302	-

^(*) Là khoản chi tạm ứng để thực hiện các thủ tục pháp lý cho các dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1 và dự án 136-137 Bến Chương Dương, quận 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	190.000.000	-	190.000.000	-
- Tổng Công ty Bến Thành-TNHH MTV (Ký cược, ký quỹ)	190.000.000	-	190.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	819.766.805	(732.566.805)	1.056.593.429	(1.056.593.429)
- Dự án TT TM và Căn hộ cao cấp 504 Nguyễn Tất Thành	732.566.805	(732.566.805)	732.566.805	(732.566.805)
- Lê Văn Sang	85.200.000	-	-	-
- Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	-	-	257.607.750	(257.607.750)
- Nguyễn Hoàng Diệu	-	-	66.418.874	(66.418.874)
- Các đối tượng khác	2.000.000	-	-	-
Cộng	1.009.766.805	(732.566.805)	1.246.593.429	(1.056.593.429)

5.6 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.800.000	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	52.298.479	-	287.159.173	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	57.098.479	-	287.159.173	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn/ dài hạn**5.7a Chi phí trả trước ngắn hạn**

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	55.816.362	259.078.947
- Tăng trong năm	852.483.185	850.668.180
- Phân bổ trong năm	(736.330.385)	(1.053.930.765)
Số cuối năm	171.969.162	55.816.362

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa 50 camette	113.011.739	-
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.957.423	55.816.362
Cộng	171.969.162	55.816.362

5.7b Chi phí trả trước dài hạn**Tình hình biến động:**

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	70.000.000	558.078.947
- Tăng trong năm	2.125.112.929	13.358.182
- Phân bổ trong năm	(1.113.058.526)	(501.437.129)
Số cuối năm	1.082.054.403	70.000.000

Chi tiết cuối năm:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa 504 Nguyễn Tất Thành	679.796.592	-
- Chi phí sửa chữa 390 Nguyễn Công Trứ	355.344.911	-
- Chi phí sửa chữa kho vận	-	70.000.000
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	46.912.900	-
Cộng	1.082.054.403	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.325.446.000	55.160.000	4.381.742.343	611.578.473	6.373.926.816
2. Tăng trong năm	-	-	-	43.272.727	43.272.727
- Tăng do mua mới	-	-	-	43.272.727	43.272.727
3. Giảm trong năm	-	-	2.905.766.650	33.586.200	2.939.352.850
- Giảm do thanh lý	-	-	2.905.766.650	33.586.200	2.939.352.850
4. Số dư cuối năm	1.325.446.000	55.160.000	1.475.975.693	621.265.000	3.477.846.693
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.266.340.687	55.160.000	2.670.087.185	518.523.598	4.510.111.470
2. Tăng trong năm	14.776.344	-	217.069.232	49.194.400	281.039.976
- Khấu hao trong năm	14.776.344	-	217.069.232	49.194.400	281.039.976
3. Giảm trong năm	-	-	1.897.776.570	33.586.200	1.931.362.770
- Giảm do thanh lý	-	-	1.897.776.570	33.586.200	1.931.362.770
4. Số dư cuối năm	1.281.117.031	55.160.000	989.379.847	534.131.798	2.859.788.676
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	59.105.313	-	1.711.655.158	93.054.875	1.863.815.346
2. Tại ngày cuối năm	44.328.969	-	486.595.846	87.133.202	618.058.017

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.148.152.602 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	97.200.000	97.200.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	97.200.000	97.200.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

Trong đó: nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.10 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	1.767.262.728	1.767.262.728
2. Tăng trong năm	101.703.768	101.703.768
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	1.868.966.496	1.868.966.496
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	2.031.926.840	2.031.926.840
2. Tại ngày cuối năm	1.930.223.072	1.930.223.072

Trong đó: nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 759.789.626 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh trong năm		Giảm do chuyển nhượng	Số cuối năm
	Số đầu năm			
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
<i>Công trình cao ốc 136-137 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh^(*)</i>	14.531.441.633	-	(14.531.441.633)	-
Cộng	14.531.441.633	-	(14.531.441.633)	-

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>						
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành ⁽¹⁾	575.138.055	-	575.138.055	575.138.055	-	575.138.055
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>						
Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khai ⁽²⁾	878.238.342	(878.238.342)	-	928.651.449	(147.512.732)	781.138.717
Công ty TNHH TM DV Cao Sáng ⁽³⁾	520.000.000	-	520.000.000	-	-	-
Cộng	1.973.376.397	(878.238.342)	1.095.138.055	1.503.789.504	(147.512.732)	1.356.276.772

⁽¹⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 38,34% (tương đương 575.138.055 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khai, tỷ lệ góp vốn là 6% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp là 6,3% (tương đương 1.500.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khai hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103013084 ngày 20/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 19/07/2013. Giá trị vốn góp tại thời điểm 31/12/2016 là 878.238.342 đồng.

⁽³⁾ Khoản đầu tư hợp tác kinh doanh và quản lý Nhà hàng tại mặt bằng 21-23-25-27 Tôn Thất Thiệp, quận 1, Tp.HCM theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 34A/2016/HĐHTKD-BTSC ngày 16/11/2016 với Công ty TNHH TM DV Cao Sáng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành – Đức Khải hiện chưa hoàn thành thủ tục giải thể.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(147.512.732)	(247.745.732)
Trích lập dự phòng bổ sung	(730.725.610)	-
Tăng khác	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	100.233.000
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	(878.238.342)	(147.512.732)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành		
Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	16.549.088	28.404.498
Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính	19.574.000	30.308.944
Chi tiền cho vay trong năm	-	300.000.000
Thu tiền cho vay ngắn hạn	-	300.000.000
Tiền lãi vay trong năm	-	26.448.387
Thu tiền lãi vay trong năm	-	28.248.387
Công ty TNHH TM DV Cao Sáng		
Doanh thu bảo trì thiết bị máy tính	4.363.640	-
Thu tiền bảo trì thiết bị máy tính	4.800.004	-
Chi đầu tư góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà hàng	520.000.000	-
Thu tiền đặt cọc hợp tác kinh doanh nhà hàng	250.000.000	-
Mua xe tải	63.636.364	-
Trả tiền mua xe tải	70.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		
	Số đầu năm	trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	726.328.384	(487.313.867)	239.014.517
<i>Chi phí thuế đất và chi phí khác trích trước</i>	726.328.384	(487.313.867)	239.014.517
Cộng	726.328.384	(487.313.867)	239.014.517

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>366.775.402</i>	<i>397.007.752</i>
- Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	366.283.402	366.283.402
- Các đối tượng khác	492.000	30.724.350
Cộng	366.775.402	397.007.752

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	374.977.797	-	4.306.605.764	(4.411.578.588)	270.004.973	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.459.516	-	23.312.037	(436.907.684)	-	231.136.131
Thuế thu nhập cá nhân	21.543.899	-	218.629.620	(195.468.335)	44.705.184	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	578.981.212	-	4.554.547.421	(5.049.954.607)	314.710.157	231.136.131

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.155.919.719	2.515.715.894
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.040.202.136)	1.864.880.716
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.261.290.520	3.387.081.972
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.301.492.656)	(1.522.201.256)
Thu nhập chịu thuế	115.717.583	4.380.596.610
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu nhập chịu thuế năm nay	3.417.210.239	5.902.797.866
+ Thu nhập chịu thuế năm trước được khấu trừ	(3.301.492.656)	(1.522.201.256)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	115.717.583	4.380.596.610
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	683.442.048	1.298.615.531
Thuế TNDN hoàn nhập năm trước	(660.298.531)	(334.884.276)
Thuế TNDN truy thu các năm trước	168.520	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.312.037	963.731.254
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	23.312.037	963.731.254

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.16 Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	1.332.206.434	2.118.122.572
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	1.332.206.434	2.118.122.572

Quý lương năm 2016 được trích theo Nghị Quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn/ dài hạn**5.17a Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước tiền thuê đất và thuế đất	96.887.427	1.111.243.391
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	83.428.364	26.899.286
Cộng	180.315.791	1.138.142.677

5.17b Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước tiền thuê đất và thuế đất	1.195.072.584	2.192.464.917
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	-
Cộng	1.195.072.584	2.192.464.917

5.18 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**5.18a Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>620.702.509</i>	<i>170.903.355</i>
Tổng Công Bến Thành TNHH MTV	620.702.509	170.903.355
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>5.690.958</i>	<i>535.622.088</i>
- Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Vạn Thịnh Phát	-	460.800.000
- Các đối tượng khác	5.690.958	74.822.088
Cộng	626.393.467	706.525.443

5.18b Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>4.630.785.000</i>	<i>6.485.282.290</i>
- Công ty TNHH Việt An Phát	1.124.000.000	1.124.000.000
- Công ty CP TM Nguyễn Kim	1.000.000.000	-
- Phạm Thị Diễm Phương	500.000.000	-
- Công ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH Dây cáp điện TaTun Đệ Nhất	300.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cao Sáng	250.000.000	-
- Công ty TNHH Vận tải và DVDL Hoa Mai	240.000.000	420.000.000
- Đặng Thị Kim Oanh	-	3.000.000.000
- Các đối tượng khác	916.785.000	1.641.282.290
Cộng	4.630.785.000	6.485.282.290

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	72.368.724	165.624.861	5.000.000	(120.550.000)	122.443.585
Quỹ phúc lợi	40.741.081	165.624.861	120.000.000	(285.611.000)	40.754.942
Cộng	113.109.805	331.249.722	125.000.000	(406.161.000)	163.198.527

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20 Vốn chủ sở hữu**5.20a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	31.507.470.000	705.702.705	778.515.715	7.192.215.425	40.183.903.845
- Tăng trong năm trước	-	1.497.737.257	-	1.943.428.748	3.441.166.005
- Giảm trong năm trước	-	-	778.515.715	3.013.816.584	3.792.332.299
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	31.507.470.000	2.203.439.962	-	6.121.827.589	39.832.737.551
- Tăng trong năm	-	194.342.876	-	1.645.293.815	1.839.636.691
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	194.342.876	-	1.645.293.815	1.839.636.691
+ Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-	(5.724.325.148)	(5.724.325.148)
Số dư cuối năm	31.507.470.000	2.397.782.838	-	2.042.796.256	35.948.049.094

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ đông Nhà Nước	47,11	14.844.200.000	14.844.200.000
- Cổ đông khác	52,89	16.663.270.000	16.663.270.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	31.507.470.000

5.20c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31.507.470.000	31.507.470.000
+ Vốn góp đầu năm	31.507.470.000	31.507.470.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	31.507.470.000	31.507.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.198.732.550	1.575.373.500

5.20d Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.747	3.150.747
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu phổ thông	3.150.747	3.150.747
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

5.20e. Các quỹ của doanh nghiệp**Quỹ đầu tư phát triển:**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

5.20f Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 03 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	5.198.732.550
• Trích quỹ đầu tư phát triển	194.342.876
• Trích quỹ khen thưởng	165.624.861
• Trích quỹ phúc lợi	165.624.861

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	1.107.256.844	476.731.413
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.041.831.277	23.553.520.714
- Doanh thu cho thuê bất động sản	1.553.127.270	2.139.454.542
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	21.694.970.182	-
Cộng	47.397.185.573	26.169.706.669

6.2 Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	887.966.283	380.717.653
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.485.532.638	11.876.889.726
- Giá vốn của bất động sản cho thuê	101.703.768	101.703.768
- Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	20.423.571.940	-
Cộng	32.898.774.629	12.359.311.147

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.248.131.561	1.023.154.660
- Lãi cho vay	16.407.987	26.448.387
- Thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	641.000.000
- Doanh thu tài chính khác	-	3.385.569.554
Cộng	1.264.539.548	5.076.172.601

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhà hàng Bến Thành với Tổng Công ty Bến Thành	2.539.096.645	2.300.903.355
- Dự phòng đầu tư tài chính	730.725.610	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(100.233.000)
- Chi phí tài chính khác	-	262.693.125
Cộng	3.269.822.255	2.463.363.480

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.243.561.500	1.590.383.728
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	38.647.273	20.285.002
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.061.536	69.214.748
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.564.085	814.238.657
- Các chi phí bằng tiền khác	482.098.841	298.193.961
Cộng	2.181.933.235	2.792.316.096

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.445.640.459	5.501.259.179
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	314.686.715	330.086.882
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.811.204	220.490.624
- Thuế, phí và lệ phí	310.903.217	2.354.279.684
- Hoàn nhập chi phí trích tiền thuê đất năm trước	(1.674.393.695)	-
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.074.213.851	732.963.971
- Các chi phí bằng tiền khác	2.853.508.505	1.489.740.562
Cộng	9.473.370.256	10.628.820.902

6.7 Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	514.737.189	308.636.363
- Thu nhập khác từ mua bán xe	63.636.364	-
- Thu khác	804.576.336	5.006.843
Cộng	1.382.949.889	313.643.206

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BỀN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.8 Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí từ mua bán xe	63.636.364	-
- Các khoản truy thu thuế và phạt vi phạm	1.217.936	1.589.316
- Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	-	737.475.000
- Chi phí khác	616	60.930.641
Cộng	64.854.916	799.994.957

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	726.328.384	334.884.276
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(239.014.517)	(726.328.384)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	487.313.867	(391.444.108)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trí, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.645.293.815	1.943.428.748
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(331.249.722)	(719.221.542)
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.314.044.093	1.224.207.206
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	3.150.747	3.150.747
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	417	389

^(*) Là Quỹ khen thưởng thực trích từ lợi nhuận của năm tương ứng theo quy định của điều lệ công ty.

6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.645.293.815	1.943.428.748
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(331.249.722)	(719.221.542)
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.314.044.093	1.224.207.206
- Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.150.747	3.150.747
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	417	389

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.150.747	3.150.747
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
+ Trái phiếu chuyển đổi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
+ Hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.150.747	3.150.747

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	431.345.510	567.917.355
- Chi phí nhân công	8.248.406.522	10.232.301.170
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	382.743.744	515.112.105
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.510.467.367	6.759.002.969
- Các chi phí bằng tiền khác	3.467.270.458	2.051.757.774
Cộng	18.040.233.601	20.126.091.373

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****7.1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền lương	1.362.389.000	1.326.000.000
- Thù lao, thưởng khác	72.000.000	84.000.000
Cộng	1.434.389.000	1.410.000.000

7.1b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công Bền Thành TNHH MTV là cổ đông lớn có tỷ lệ vốn góp là 47,11%.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.12. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công Bền Thành TNHH MTV		
- Chia lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	2.539.096.645	-
- Tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	-	2.260.903.355
- Trả tiền thuê mặt bằng hợp tác kinh doanh	-	2.486.993.691
- Doanh thu cho thuê mặt bằng kho	-	929.230.200
- Thu tiền cho thuê mặt bằng trong kỳ	-	1.137.209.289

7.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh hàng hoá
- Kinh doanh dịch vụ
- Kinh doanh cho thuê bất động sản
- Chuyển nhượng bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 390 Nguyễn Công Trứ, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Kinh doanh hàng hoá	Kinh doanh dịch vụ	Kinh doanh cho thuê bất động sản	Chuyển nhượng bất động sản	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.107.256.844	23.041.831.277	1.553.127.270	21.694.970.182	47.397.185.573
Giá vốn hàng bán	887.966.283	11.485.532.638	101.703.768	20.423.571.940	32.898.774.629
Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.290.561	11.556.298.639	1.451.423.502	1.271.398.242	14.498.410.944
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	476.731.413	23.553.520.714	2.139.454.542	-	26.169.706.669
Giá vốn hàng bán	380.717.653	11.876.889.726	101.703.768	-	12.359.311.147
Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.013.760	11.676.630.988	2.037.750.774	-	13.810.395.522

Khu vực địa lý

Tất các sản phẩm và dịch vụ của Công ty được tiêu thụ và cung cấp tại Việt Nam.

7.3 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị






NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÕ THÚY HẠNH

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

